

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện
chính sách tinh giản biên chế đợt I năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Công văn số 4747/BNV-TCBC ngày 24/9/2018 của Bộ Nội vụ về việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 113/2018/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 101/TTr-SNV ngày 24/02/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt I năm 2021 đối với 30 cán bộ, công chức, viên chức, cụ thể như sau:

1. Công chức cấp huyện: 01 người (chính sách về hưu trước tuổi).
2. Cán bộ, công chức cấp xã: 07 người (chính sách về hưu trước tuổi: 03 người; chính sách thôi việc ngay: 04 người).
3. Viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập: 22 người (chính sách về hưu trước tuổi: 20 người; chính sách thôi việc ngay: 02 người).
4. Tổng kinh phí thực hiện: 4.700.548.000 đồng (*Bốn tỷ, bảy trăm triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

(Có biểu số 1a, biểu số 1c và biểu số 2 đính kèm Quyết định này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ

a) Thông báo các đơn vị, địa phương có cán bộ, công chức, viên chức được phê duyệt tinh giản biên chế theo Điều 1 Quyết định này để thực hiện thủ tục giải quyết chế độ, chính sách kịp thời theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp kết quả thực hiện tinh giản biên chế, báo cáo UBND tỉnh xem xét để báo cáo Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính kiểm tra theo quy định tại Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 113/2018/NĐ-CP.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm bố trí và hướng dẫn việc sử dụng kinh phí để đơn vị, địa phương thực hiện chi trả chế độ, chính sách tinh giản biên chế theo quy định.

3. Bảo hiểm xã hội tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ, chỉ đạo Bảo hiểm xã hội các huyện, thị xã, thành phố thực hiện giải quyết chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội đối với các đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế theo quy định hiện hành của pháp luật.

4. Các đơn vị, địa phương có đối tượng tinh giản biên chế:

a) Triển khai thực hiện các thủ tục giải quyết chế độ, chính sách tinh giản biên chế cho cán bộ, công chức, viên chức đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC;

b) Báo cáo kết quả thực hiện cho Sở Nội vụ, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo cấp thẩm quyền theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cán bộ, công chức, viên chức có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Lưu: VT, K12.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phi Long

BIỂU SỐ 1a

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI ĐỘT 1 NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Thời điểm tính gián biên chế	Tuổi khi giải quyết tính gián biên chế	Kinh phí để thực hiện tính gián biên chế (1000 đồng)				Chia theo nguồn kinh phí thực hiện		Lý do tính gián				
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng				Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên	Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH		Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	Kinh phí CQ chi từ dự toán NS hàng năm, nguồn thu, nguồn KP hợp pháp khác của đơn vị, Quỹ hỗ trợ LĐ đời dư	Ngân sách nhà nước cấp	
					4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27		
TỔNG CỘNG				23 người																	4.073.213	1.986.912	888.532	1.197.769	0	4.073.213				
A	Khởi hành chính		4 người																		413.142	221.036	103.324	88.782	0	413.142				
UBND huyện Vân Canh																														
1	Nguyễn Danh Tông	12/6/1962	Trung cấp Luật	Công chức Phòng Tư pháp huyện	14% (4,06)	01/01/2020					14%	01/01/2020																		
											13%	01/01/2019																		
											12%	01/01/2018																		
											11%	01/01/2017																		
											10%	01/01/2016																		
<p>Lý do: Công chức Phòng Tư pháp huyện Vân Canh chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm (QĐ 3309/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 của UBND tỉnh và QĐ 1585/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 của UBND tỉnh), không thể bố trí công việc khác phù hợp và không thể đào tạo lại để chuẩn hoá về chuyên môn. Cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý bằng biên bản họp và đề nghị.</p>																														
<p>Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý bằng Biên bản làm việc, Tờ trình, Danh sách của đơn vị, QĐ xếp ngạch lương công chức; các QĐ nâng lương, các QĐ nâng phụ cấp thâm niên vượt khung, BHXH, Bằng Trung cấp Luật. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143.</p>																														
UBND huyện Tây Sơn																														
2	Nguyễn Văn Châu	19/04/1964	Trung cấp Kinh tế	Công chức Văn hóa - Xã hội xã Bình Tường	3,66	01/12/2019								3,46	01/12/2017	4.657	25 n 9 th		01/01/2021	56 t 8 th	102.454	65.198	23.285	13.971		102.454	Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143			
<p>Lý do: Công chức Văn hóa - Xã hội xã Bình Tường, huyện Tây Sơn chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, không thể bố trí công việc khác phù hợp và không thể đào tạo lại để chuẩn hoá về chuyên môn (theo quy định tại Thông tư số 13/2019/TT-BNV). Cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý bằng biên bản họp và đề nghị.</p>																														
<p>Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý bằng Biên bản làm việc, Tờ trình, Danh sách của đơn vị, QĐ phê duyệt và xếp lương cho cán bộ chuyên trách, công chức; các QĐ nâng lương, BHXH. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143.</p>																														

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Tiền lương (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm làm công việc nặng nhọc, đặc hại hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên	Thời điểm tính gián biến chế	Tuổi khi giải quyết tính gián biến chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Chia theo nguồn kinh phí thực hiện		Lý do tinh giản															
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Kinh phí CQ chi từ dự toán NS hàng năm, nguồn thu, nguồn KP hợp pháp khác của đơn vị, Quỹ hỗ trợ LD đối dư	Ngân sách nhà nước cấp																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27															
UBND huyện Hoài Ân																																											
3	Nguyễn Hữu Tứ	18/08/1963	Trung cấp Kinh tế	Phó Chủ tịch HĐND xã Ân Hào Đông	3,46	01/01/2019	0,2	01/01/2010							3,26	01/01/2017	4.720	20 n 6 th	01/01/2021	57 t 4 th	76.699	51.920	23.599	1.180	76.699		Điểm a Khoản 1 Điều 6 NĐ 108 và Điểm c Khoản 1 Điều 1 NĐ 143																
Lý do: Phó Chủ tịch HĐND xã Ân Hào Đông, huyện Hoài Ân đối dư do sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự (theo Quyết định số 346/QĐ-UBND của UBND tỉnh); chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, không thể bố trí công việc khác phù hợp để chuẩn hoá về chuyên môn (theo quy định tại Thông tư số 13/2019/TT-BNV). Cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý bằng biên bản họp và đề nghị.																																											
Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý bằng Biên bản làm việc và Tờ trình, Quyết định chuyển xếp ngạch của Sở Nội vụ, QĐ phê chuẩn kết quả bầu cử, QĐ bổ nhiệm ngạch và xếp lương theo ND 92; các QĐ nâng lương, BHXH, Đánh giá phân loại năm 2018, 2019: Hoàn thành tốt nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm a Khoản 1 Điều 6 NĐ 108 và Điểm c Khoản 1 Điều 1 NĐ 143.																																											
UBND huyện Phù Mỹ																																											
4	Ngô Công Hoàng	18/03/1964	Trung cấp Luật	Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã Mỹ Thành	4,06	01/09/2019									3,86	01/09/2017	5.170	25 n 09 th	01/04/2021	57 t	108.570	67.210	25.850	15.510	108.570		Điểm c Khoản 1 Điều 1 NĐ 143																
Lý do: Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, không thể bố trí công việc khác phù hợp và không thể đào tạo lại để chuẩn hoá về chuyên môn (theo quy định tại Thông tư số 13/2019/TT-BNV). Cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý bằng biên bản họp và đề nghị.																																											
Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý bằng Biên bản làm việc, Tờ trình, Danh sách của đơn vị, QĐ phê duyệt và xếp lương cho cán bộ chuyên trách, công chức; các QĐ nâng lương, BHXH, Phiếu đánh giá, xếp loại công chức năm 2018, năm 2019: Hoàn thành tốt nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm c Khoản 1 Điều 1 NĐ 143.																																											
B	Khối sự nghiệp	20 người																			3.660.071	1.765.876	785.208	1.108.987	0	3.660.071																	
Sở Giáo dục và Đào tạo																																											
1	Nguyễn Văn Bộ	18/10/1962	Đại học	Giáo viên	14% (4,98)	01/11/2020			28%	01/9/2015	9%	01/11/2015			29%	01/9/2016	10%	01/11/2016			30%	01/9/2017	11%	01/11/2017			31%	01/9/2018	12%	01/11/2018	13% (4,98)	01/11/2019	9.502	35 n 5 th	01/02/2021	58 t 3 th	185.289	66.514	47.510	71.265	185.289		Điểm g Khoản 1 Điều 1 NĐ 143
Lý do: Giáo viên Trường THPT số 1 An Nhơn, trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế có tổng số ngày nghỉ làm việc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1, Điều 26 Luật Bảo hiểm xã hội, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.																																											
Thẩm định: Hồ sơ có đơn tự nguyện TGBC; biên bản cuộc họp, tờ trình đề nghị của Trường THPT số 1 An Nhơn; Sở Giáo dục và Đào tạo; BHXH; QĐ tiếp nhận và phân công công tác năm 1985; QĐ xếp lương mới năm 1985; QĐ công nhận hết thời gian tập sự chuyển vào biên chế chính thức; QĐ xếp ngạch lương viên chức; QĐ chuyển xếp lương mới theo ND 204/2004/NĐ-CP; QĐ bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp; các QĐ nâng phụ cấp thâm niên vượt khung; các QĐ nâng phụ cấp thâm niên vượt nhà giáo; Phiếu đánh giá và phân loại viên chức năm học 2017-2018; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Phiếu đánh giá và phân loại viên chức năm học 2018-2019; Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng Bảo hiểm xã hội và Giấy ra viện (có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh: Trung tâm y tế thị xã An Nhơn); Danh sách giải quyết hưởng chế độ ốm đau của BHXH thị xã An Nhơn. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm c khoản 1 Điều 1 NĐ 143.																																											

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chính lịch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Thời điểm tính gián biến chế	Tuổi khi giải quyết tính gián biến chế	Kinh phí để thực hiện tính gián biến chế (1000 đồng)				Chia theo nguồn kinh phí thực hiện		Lý do tính gián
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng		Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên	Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
6	Huỳnh Thị Thu Thủy	25/12/1967	Đại học sư phạm Ngữ Văn	Giáo viên Văn - Trường THCS Hoài Châu	4,98	01/11/2017			23%	01/10/2015					4,65	01/11/2014	8.307	30 n 5th	01/03/2021	53 t 02 th	151.602	66.456	41.534	43.612	151.602		Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143	
<p>Lý do: Giáo viên Trường THCS Hoài Châu, viên chức được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.</p> <p>Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ tiếp nhận và phân công công tác, QĐ chuyển xếp lương của SNV theo ND 204/2004/ND-CP, QĐ chuyển xếp hạng chức danh nghề nghiệp, các QĐ nâng lương và thâm niên nghề trong 60 tháng, BHXH, Bằng Đại học, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143.</p>																												
7	Lê Văn Sự	22/05/1964	Cao đẳng sư phạm Tiểu học	Giáo viên Tiểu học - Trường Tiểu học số 2 Tam Quan Bắc	(7%) 4,89	01/01/2019			29%	01/03/2015				(6%) 4,89	01/01/2018	9.231	36 n 6 th	01/03/2021	56 t 9 th	242.314	120.003	46.155	76.156	242.314		Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143		
<p>Lý do: Giáo viên Trường Tiểu học số 2 Tam Quan Bắc, viên chức được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.</p> <p>Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ tuyển dụng, QĐ chuyển xếp lương của SNV theo ND 204/2004/ND-CP, QĐ chuyển xếp hạng chức danh nghề nghiệp, các QĐ nâng lương và thâm niên nghề trong 60 tháng, BHXH, Bằng Cao đẳng, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143.</p>																												
8	Nguyễn Minh Hiền	04/05/1963	Đại học sư phạm Tiểu học	Phó hiệu trưởng - Trường Tiểu học số 2 Tam Quan Nam	(10%) 4,98	01/12/2019			31%	01/03/2015				(9%) 4,98	01/12/2018	10.269	38 n 6 th	01/03/2021	57 t 9 th	249.023	102.690	51.345	94.988	249.023		Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143		
<p>Lý do: Giáo viên Trường Tiểu học số 2 Tam Quan Nam, viên chức được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.</p> <p>Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ tuyển dụng, QĐ bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng, QĐ bổ nhiệm ngạch, QĐ chuyển xếp hạng chức danh nghề nghiệp, các QĐ nâng lương và thâm niên nghề trong 60 tháng, BHXH, Bằng Đại học, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143.</p>																												
9	Nguyễn Xuân Ban	06/08/1963	Trung cấp sư phạm Tiểu học	Giáo viên Tiểu học - Trường Tiểu học số 2 Hoài Hào	(11%) 4,06	01/10/2019			30%	01/02/2015				(10%) 4,06	01/10/2018	8.342	37 n 7 th	01/03/2021	57 t 6 th	200.208	83.420	41.710	75.078	200.208		Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143		
<p>Lý do: Giáo viên Trường Tiểu học số 2 Hoài Hào, viên chức được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.</p> <p>Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ hết thời gian tập sự, QĐ chuyển xếp lương, QĐ chuyển xếp hạng chức danh nghề nghiệp, các QĐ nâng lương và thâm niên nghề trong 60 tháng, BHXH, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143.</p>																												

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Thời điểm tính gián biên chế	Tuổi khi giải quyết tính gián biên chế	Kinh phí để thực hiện tính gián biên chế (1000 đồng)				Chia theo nguồn kinh phí thực hiện		Lý do tính gián	
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Tổng số	số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên	Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH		Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
10	Lưu Thị Liệu	04/04/1969	Đại học sư phạm Giáo dục Tiểu học	Giáo viên Tiểu học - Trường Tiểu học số 1 Tam Quan Bắc	4,65	01/10/2017			23%	01/02/2015					4,32	01/10/2014	7.778	30 n 7 th	0	01/03/2021	51 t 10 th	183.767	106.092	37.890	39.785	183.767	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143	
Lý do: Giáo viên Trường Tiểu học số 1 Tam Quan Bắc, viên chức được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.																												
Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ tuyển dụng, QĐ chuyển xếp lương của SNV theo ND 204/2004/ND-CP, QĐ chuyển xếp hạng chức danh nghề nghiệp, các QĐ nâng lương và thâm niên nghề trong 60 tháng, BHXH, Bảng Đại học, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2018-2019: Hoàn thành nhiệm vụ, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143.																												
11	Nguyễn Thị Bình	16/10/1968	Đại học sư phạm Giáo dục Tiểu học	Giáo viên Tiểu học - Trường Tiểu học số 1 Tam Quan	4,65	01/10/2017			25%	01/04/2015				3,99	01/10/2011	7.908	32 n 5 th	0	01/03/2021	52 t 4 th	191.769	102.804	39.540	49.425	191.769	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143		
Lý do: Giáo viên Trường Tiểu học số 1 Tam Quan, viên chức được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.																												
Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ phân công công tác, QĐ chuyển xếp lương, QĐ chuyển xếp hạng chức danh nghề nghiệp, các QĐ nâng lương và thâm niên nghề trong 60 tháng, BHXH, Bảng Đại học, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2018-2019: Hoàn thành nhiệm vụ, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143.																												
12	Huỳnh Thị Châu	05/05/1969	Đại học sư phạm Giáo dục Tiểu học	Giáo viên Tiểu học - Trường Tiểu học số 1 Tam Quan	4,65	01/04/2017	0,15	01/09/2015	22%	01/05/2015				4,32	01/04/2014	8.158	29 n 7 th	0	01/06/2021	52 t	203.950	122.370	40.790	40.790	203.950	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143		
Lý do: Giáo viên Trường Tiểu học số 1 Tam Quan, viên chức được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.																												
Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ tuyển dụng, QĐ phân công công tác, QĐ chuyển xếp lương của SNV theo ND 204/2004/ND-CP, QĐ chuyển xếp hạng chức danh nghề nghiệp, các QĐ nâng lương và thâm niên nghề trong 60 tháng, BHXH, Bảng Đại học, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2018-2019: Hoàn thành nhiệm vụ, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143.																												
13	Nguyễn Thị Phương Lệ	04/04/1969	Đại học sư phạm Giáo dục Tiểu học	Giáo viên tiểu học - Trường Tiểu học số 1 Hoài Thanh	4,65	01/04/2017			24%	01/03/2015				4,32	01/04/2014	7.904	31 n 6 th	0	01/03/2021	51 t 10 th	195.624	110.656	39.520	45.448	195.624	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143		
Lý do: Giáo viên Trường Tiểu học số 1 Hoài Thanh, viên chức được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.																												
Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ tuyển dụng, QĐ phân công công tác, QĐ chuyển xếp lương của SNV theo ND 204/2004/ND-CP, QĐ chuyển xếp hạng chức danh nghề nghiệp, các QĐ nâng lương và thâm niên nghề trong 60 tháng, BHXH, Bảng Đại học, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2018-2019: Hoàn thành nhiệm vụ, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143.																												

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên	Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)				Chia theo nguồn kinh phí thực hiện		Lý do tinh giản
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Hệ số	Thời điểm hưởng	Tổng số	Tông cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
14	Đình Công Hường	05/05/1963	Trung cấp sư phạm Tiểu học	Giáo viên tiểu học - Trường Tiểu học số 1 Hoài Sơn (nay là Trường Tiểu học	(15%) 4,06	01/02/2019			31% 01/03/2015	10% 01/02/2014					(14%) 4,06	01/02/2018	8.409	38 n 6 th		01/03/2021	57 t 9 th	203.918	84.090	42.045	77.783	203.918		Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143
Lý do: Giáo viên Trường Trường Tiểu học Hoài Sơn, viên chức được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.																												
Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ phân công công tác, QĐ chuyển xếp lương của SNV theo ND 204/2004/ND-CP, QĐ chuyển xếp hạng chức danh nghề nghiệp, các QĐ nâng lương và thâm niên nghề trong 60 tháng, Bảng Trung cấp, BHXH, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143.																												
15	Nguyễn Văn Thọ	01/02/1963	Cao đẳng sư phạm Tiểu học	Giáo viên tiểu học - Trường Tiểu học số 2 Hoài Tân	(10%) 4,98	01/10/2019	0,15 01/01/2016	35% 01/01/2016	6% 01/10/2015						(9%) 4,98	01/10/2018	10.113	41n 7 th		01/03/2021	58 t	242.712	80.904	50.565	111.243	242.712		Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143
Lý do: Giáo viên Trường Tiểu học số 2 Hoài Tân, viên chức được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.																												
Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ phân công công tác, QĐ chuyển xếp lương của SNV theo ND 204/2004/ND-CP, QĐ chuyển xếp hạng chức danh nghề nghiệp, các QĐ nâng lương và thâm niên nghề trong 60 tháng, BHXH, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143.																												
16	Nguyễn Trung Quang	15/05/1962	Trung cấp sư phạm Tiểu học	Giáo viên tiểu học - Trường Tiểu học số 1 Hoài Châu Bắc	(13%) 4,06	01/09/2019			31% 01/03/2015	9% 01/09/2015					(12%) 4,06	01/09/2018		38 n 6 th		01/03/2021	58 t 9 th	0	0	0	0	0		Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143
Lý do: Giáo viên Trường Tiểu học số 1 Hoài Châu Bắc, viên chức được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.																												
Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ phân công công tác, QĐ chuyển xếp lương của SNV theo ND 204/2004/ND-CP, QĐ chuyển xếp hạng chức danh nghề nghiệp, các QĐ nâng lương và thâm niên nghề trong 60 tháng, BHXH, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143.																												
17	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	09/08/1967	Cao đẳng sư phạm Tiểu học	Giáo viên tiểu học - Trường Tiểu học số 1 Hoài Sơn (nay là Trường Tiểu học Hoài Sơn)	4,58	01/02/2019			22% 01/03/2015						4,27	01/02/2016	7.481	29 n 6 th		01/03/2021	53 t 6 th	125.307	52.367	37.405	35.535	125.307		Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143
Lý do: Giáo viên Trường Tiểu học Hoài Sơn, viên chức được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.																												
Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ tiếp nhận và phân công công tác, QĐ chuyển xếp lương của SNV theo ND 204/2004/ND-CP, QĐ chuyển xếp hạng chức danh nghề nghiệp, các QĐ nâng lương và thâm niên nghề trong 60 tháng, BHXH, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143.																												

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Thời điểm tính gián biến chế	Tuổi khi giải quyết tính gián biến chế	Kinh phí để thực hiện tính gián biến chế (1000 đồng)				Chia theo nguồn kinh phí thực hiện		Lý do tính gián	
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đồng)	Tổng số			số năm làm công việc nặng nhọc, đặc hại hoặc có PCKV hệ số 0,7 trở lên	Tổng cộng	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	Kinh phí		Ngân sách nhà nước cấp
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
UBND huyện Hoài Ân																												
18	Đình Xuân Âm	03/02/1964	Trung cấp SP Tiểu học	Thư viện Trường Tiểu học Bok Tới	9% (4,06)	01/01/2020					5% 01/01/2016 6% 01/01/2017 7% 01/01/2018 8% 01/01/2019 9% 01/01/2020			8% (4,06)	01/01/2019	5.845	33 n 5 th		01/01/2021	56 t 10 th	144.664	75.985	29.225	39.454	144.664		Điểm d khoản 1 Điều 1 ND 143	
Lý do: Nhân viên Thư viện Trường Tiểu học Bok Tới, huyện Hoài Ân, viên chức có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm hiện đảm nhiệm nên bị hạn chế về năng lực hoàn thành công việc được giao, có 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.																												
Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ hết thời gian tập sự và bổ nhiệm ngạch, QĐ xếp ngạch, các QĐ nâng lương, Bảng Trung cấp sư phạm, BHXH, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm d khoản 1 Điều 1 ND 143.																												
19	Đình Văn Môn	01/05/1963	Trung học SP 9+3	Giáo viên Trường Tiểu học Đak Mang	4,06	01/01/2014					27% 01/05/2015 28% 01/05/2016 29% 01/05/2017 30% 01/05/2018 31% 01/05/2019 32% 01/05/2020			3,86	01/01/2012	7.587	33 n 5 th		01/01/2021	57 t 7 th	165.017	75.870	37.935	51.212	165.017		Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143	
Lý do: Giáo viên Trường Tiểu học Đak Mang, huyện Hoài Ân chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, không thể bố trí công việc khác phù hợp và không thể đào tạo lại để chuẩn hoá về chuyên môn (theo quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BGDĐT). Cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý bằng biên bản họp và đề nghị.																												
Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý bằng Biên bản làm việc, Tờ trình, Danh sách của đơn vị, QĐ phân công công tác; QĐ xếp ngạch, các QĐ nâng lương, QĐ nâng thâm niên nghề nhà giáo, bảng Trung cấp 9+3, BHXH, đánh giá, phân loại năm học 2018-2019: Hoàn thành nhiệm vụ, năm học 2019-2020: Hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143.																												
UBND huyện Tây Sơn																												
20	Trần Thị Kim Loan	03/04/1968	Trung cấp kế toán	Kế toán Trường Tiểu học Tây Thuận	9% (4,06)	01/10/2019					9% 01/10/2019 8% 01/10/2018 7% 01/10/2017 6% 01/10/2016			8% (4,06)	01/10/2018	5.856	32 n 5 th		01/01/2021	52 t 8 th	130.293	64.415	29.279	36.599	130.293		Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143	
Lý do: Kế toán Trường Tiểu học Tây Thuận, huyện Tây Sơn, viên chức được phân loại đánh giá 01 năm hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.																												
Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ bổ nhiệm ngạch viên chức, các QĐ nâng phụ cấp thâm niên vượt khung trong 60 tháng, BHXH, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2018-2019: Hoàn thành nhiệm vụ, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143.																												

BIỂU SỐ 1c
DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NHỮNG NGƯỜI THÔI VIỆC NGAY ĐỢT 1 NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

T T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp do đóng BHXH (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp do đóng BHXH (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)			Chia theo nguồn kinh phí thực hiện		Lý do tinh giản	
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Hệ số	Thời điểm hưởng			Hệ số	Thời điểm hưởng	Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên	Tổng cộng		Trợ cấp tìm việc
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27		
TỔNG CỘNG			6 người																				627.335	65.976	561.359	65.976	561.359		
A Khối hành chính			4 người																				359.878	32.498	327.380	32.498	327.380		
UBND huyện Tây Sơn																													
1	Đình Thi Dâng	01/01/1980	Không	Công chức Văn phòng - Thống kê xã Vĩnh An	1,18	01/10/2004										1,09	01/11/2003	1.758	1.586	22 n		01/01/2021	40 t 11 th	57.610	5.275	52.335	5.275	52.335	Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143
Lý do: Công chức Văn phòng - Thống kê xã Vĩnh An, huyện Tây Sơn chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, không thể bố trí công việc khác phù hợp và không thể đào tạo lại để chuẩn hoá về chuyên môn (theo quy định tại Thông tư số 13/2019/TT-BNV). Cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý bằng biên bản họp và đề nghị.																													
Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý bằng Biên bản làm việc, Tờ trình, Danh sách của đơn vị, QĐ phê duyệt cán bộ chuyên trách, công chức xã, BHXH. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143.																													
2	Đình Lắc	01/10/1978	Không	Công chức Văn hóa - Xã hội xã Vĩnh An	1,18	01/10/2004										1,09	01/11/2003	1.758	1.586	22 n		01/01/2021	42 t 2 th	57.610	5.275	52.335	5.275	52.335	Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143
Lý do: Công chức Văn hóa - Xã hội xã Vĩnh An, huyện Tây Sơn chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, không thể bố trí công việc khác phù hợp và không thể đào tạo lại để chuẩn hoá về chuyên môn (theo quy định tại Thông tư số 13/2019/TT-BNV). Cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý bằng biên bản họp và đề nghị.																													
Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý bằng Biên bản làm việc, Tờ trình, Danh sách của đơn vị, QĐ phê duyệt cán bộ chuyên trách, công chức xã, BHXH. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143.																													

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đ)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đ)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Chia theo nguồn kinh phí thực hiện		Lý do tính giảm
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Hệ số	Thời điểm hưởng	Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN		Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
3	Đình Thị Đăng	01/01/1980	Không	Công chức Văn phòng - Thống kê xã Vĩnh An	1,18	01/10/2004									1,09	01/11/2003	1.758	1.586	22 n	01/01/2021	40 t 11 th			X		57.610	5.275	52.335	Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143
<p>Lý do: Công chức Văn phòng - Thống kê xã Vĩnh An, huyện Tây Sơn chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, không thể bố trí công việc khác phù hợp và không thể đào tạo lại để chuẩn hoá về chuyên môn (theo quy định tại Thông tư số 13/2019/TT-BNV). Cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý bằng biên bản họp và đề nghị.</p> <p>Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý bằng Biên bản làm việc, Tờ trình, Danh sách của đơn vị, QĐ phê duyệt cán bộ chuyên trách, công chức xã, BHXH. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143.</p>																													
4	Đình Lắc	01/10/1978	Không	Công chức Văn hóa - Xã hội xã Vĩnh An	1,18	01/10/2004									1,09	01/11/2003	1.758	1.586	22 n	01/01/2021	42 t 2 th			X		57.610	5.275	52.335	Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143
<p>Lý do: Công chức Văn hóa - Xã hội xã Vĩnh An, huyện Tây Sơn chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, không thể bố trí công việc khác phù hợp và không thể đào tạo lại để chuẩn hoá về chuyên môn (theo quy định tại Thông tư số 13/2019/TT-BNV). Cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý bằng biên bản họp và đề nghị.</p> <p>Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý bằng Biên bản làm việc, Tờ trình, Danh sách của đơn vị, QĐ phê duyệt cán bộ chuyên trách, công chức xã, BHXH. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143.</p>																													
5	Lê Đình Tận	11/02/1970	Trung cấp công an	Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã Tây An	2,66	01/01/2020								2,46	01/01/2018		3.268	26 n 1 th	01/01/2021	50 t 10 th			X		139.344	11.890	127.454	Điểm a Khoản 1 Điều 6 ND 108 và Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143	
<p>Lý do: Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã Tây An, huyện Tây Sơn đối dư do sắp xếp lại tổ chức theo Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Đề án điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã; chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, không thể bố trí công việc khác phù hợp và không thể đào tạo lại để chuẩn hoá về chuyên môn (theo quy định tại Thông tư số 13/2019/TT-BNV). Cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý bằng biên bản họp và đề nghị.</p> <p>Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý bằng Biên bản làm việc, Tờ trình, Danh sách của đơn vị, QĐ bổ nhiệm, QĐ miễn nhiệm và điều chuyển chức danh Trưởng Công an; các QĐ nâng lương, BHXH. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm a Khoản 1 Điều 6 ND 108 và Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143.</p>																													
UBND huyện Hoài Ân																													
6	Đình Mí Hủy	02/06/1972	Không (văn hóa 6/12)	Chủ tịch Hội LHPN xã Bok Tới	2,25	01/01/2009									1,75	01/10/2004	3.353	3.024	20 n 7 th	01/01/2021	48 t 6 th			X		105.314	10.058	95.256	Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143
<p>Lý do: Chủ tịch Hội LHPN xã Bok Tới, huyện Hoài Ân chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, không thể đào tạo lại để chuẩn hoá về chuyên môn. Cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý bằng biên bản họp và đề nghị.</p> <p>Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý bằng Biên bản làm việc, Tờ trình, Danh sách của đơn vị, QĐ phê duyệt danh sách cán bộ, công chức xã Bok Tới năm 2004, QĐ xếp lương cho cán bộ chuyên trách, BHXH, Đánh giá, phân loại năm 2019: Hoàn thành tốt nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143.</p>																													

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đ)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đ)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Chia theo nguồn kinh phí thực hiện		Lý do tính giảm
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Hệ số	Thời điểm hưởng	Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN		Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
Sở Y tế																													
2	Đình Văn Krép	01/12/1974	Y sĩ	Y sĩ Trung tâm Y tế huyện An Lão	3,86	01/11/2018									3,46 3,66	01/11/2014 01/11/2016	5.751	4.888	22 n 10 th	01/6/2021	47 t			X		186.890	17.254	169.636	Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143
Lý do: Y sĩ Trung tâm Y tế huyện An Lão, viên chức được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.																													
Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ xếp ngạch viên chức y tế xã, phường, QĐ chuyển xếp hạng chức danh nghề nghiệp, các QĐ nâng lương, BHXH, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm 2019: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm a Khoản 1 Điều 1 ND 143.																													
Trường Cao đẳng Bình Định																													
3	Đông Phạm Hy Văn	02/10/1982	Th.s Kế toán	Giáo viên Kế toán cơ sở thực hành 2 An Nhơn	3,33	01/9/2017			9% 01/09/2017						3,00	01/3/2013	5.046	3.679	11 n 5 th	01/01/2021	38 t 02 th			X		80.567	16.224	64.343	Điểm a Khoản 1 Điều 6 ND 108
Lý do: Viên chức là Giáo viên Kế toán cơ sở thực hành 2 An Nhơn, đối dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo Nghị quyết TW 6.																													
Thẩm định: Hồ sơ có đơn tự nguyện TGBC; đối dư do sắp xếp theo Quyết định sáp nhập Trường Trung cấp Kỹ thuật Công nghệ Hoài Nhơn, Trường Trung cấp thủ công mỹ nghệ Bình Định, Trường trung cấp Văn hóa nghệ thuật Bình Định và Trường Cao đẳng Bình Định; Tờ trình, Danh sách, Biên bản cuộc họp, QĐ tuyển dụng, QĐ bổ nhiệm ngạch và xếp lương viên chức, các QĐ nâng lương, QĐ nâng phụ cấp thâm niên nghề nhà giáo, BHXH. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm a Khoản 1 Điều 6 ND 108.																													
UBND thành phố Quy Nhơn																													
4	Phạm Xuân Hòa	10/10/1964	Cao đẳng SP Văn	Giáo viên Tổng phụ trách Đội - Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo	7% (4,89)	01/09/2020			33% 01/01/2021						(7%) 4,89	01/09/2020		9.013	35 n 8 th	01/5/2021	56 t 6 th	X				252.364	0	252.364	Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143
Lý do: Giáo viên Tổng phụ trách Đội - Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm (theo quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BGDĐT), không thể bố trí công việc khác phù hợp và không thể đào tạo lại để chuẩn hoá về chuyên môn. Cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý bằng biên bản họp và đề nghị.																													
Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý bằng Biên bản làm việc, Tờ trình, Danh sách của đơn vị, QĐ hết thời gian tập sự và tuyển dụng chính thức vào biên chế, QĐ phân công công tác; các QĐ nâng lương, các QĐ nâng phụ cấp thâm niên vượt khung, QĐ nâng phụ cấp thâm niên nghề nhà giáo, BHXH, Bằng Trung cấp Luật. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143.																													

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đ)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đ)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Chia theo nguồn kinh phí thực hiện		Lý do tính giảm
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Hệ số	Thời điểm hưởng	Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN		Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
8	Huỳnh Thị Thu Thủy	25/12/1967	Đại học sư phạm Ngữ Văn	Giáo viên Văn - Trường THCS Hoài Châu	4,98	01/11/2017			23%	01/10/2015					4,65	01/11/2014	8.307	30 n 5th	01/03/2021	53 t 02 th	X					151.602	0	151.602	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143
<p>Lý do: Giáo viên Trường THCS Hoài Châu, viên chức được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.</p> <p>Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ tiếp nhận và phân công công tác, QĐ chuyển xếp lương của SNV theo ND 204/2004/ND-CP, QĐ chuyển xếp hạng chức danh nghề nghiệp, các QĐ nâng lương và thâm niên nghề trong 60 tháng, BHXH, Bằng Đại học, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143.</p>																													
9	Lê Văn Sự	22/05/1964	Cao đẳng sư phạm Tiểu học	Giáo viên Tiểu học - Trường Tiểu học số 2 Tam Quan Bắc	(7%) 4,89	01/01/2019			29%	01/03/2015					(6%) 4,89	01/01/2018	9.231	36 n 6 th	01/03/2021	56 t 9 th	X					242.314	0	242.314	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143
<p>Lý do: Giáo viên Trường Tiểu học số 2 Tam Quan Bắc, viên chức được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.</p> <p>Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ tuyển dụng, QĐ chuyển xếp lương của SNV theo ND 204/2004/ND-CP, QĐ chuyển xếp hạng chức danh nghề nghiệp, các QĐ nâng lương và thâm niên nghề trong 60 tháng, BHXH, Bằng Cao đẳng, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143.</p>																													
10	Nguyễn Minh Hiền	04/05/1963	Đại học sư phạm Tiểu học	Phó hiệu trưởng - Trường Tiểu học số 2 Tam Quan Nam	(10%) 4,98	01/12/2019			31%	01/03/2015					(9%) 4,98	01/12/2018	10.269	38 n 6 th	01/03/2021	57 t 9 th	X					249.023	0	249.023	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143
<p>Lý do: Giáo viên Trường Tiểu học số 2 Tam Quan Nam, viên chức được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.</p> <p>Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ tuyển dụng, QĐ bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng, QĐ bổ nhiệm ngạch, QĐ chuyển xếp hạng chức danh nghề nghiệp, các QĐ nâng lương và thâm niên nghề trong 60 tháng, BHXH, Bằng Đại học, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143.</p>																													
11	Nguyễn Xuân Ban	06/08/1963	Trung cấp sư phạm Tiểu học	Giáo viên Tiểu học - Trường Tiểu học số 2 Hoài Hào	(11%) 4,06	01/10/2019			30%	01/02/2015					(10%) 4,06	01/10/2018	8.342	37 n 7 th	01/03/2021	57 t 6 th	X					200.208	0	200.208	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143
<p>Lý do: Giáo viên Trường Tiểu học số 2 Hoài Hào, viên chức được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.</p> <p>Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ hết thời gian tập sự, QĐ chuyển xếp lương, QĐ chuyển xếp hạng chức danh nghề nghiệp, các QĐ nâng lương và thâm niên nghề trong 60 tháng, BHXH, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143.</p>																													

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đ)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đ)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Chia theo nguồn kinh phí thực hiện		Lý do tinh giản	
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Hệ số	Thời điểm hưởng	Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN		Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí CQ chi từ dự toán NS hàng năm, nguồn thu, nguồn KP hợp pháp khác của đơn vị, Quỹ hỗ trợ LĐ đối dư
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
12	Lưu Thị Liệu	04/04/1969	Đại học sư phạm Giáo dục Tiểu học	Giáo viên Tiểu học - Trường Tiểu học số 1 Tam Quan Bắc	4,65	01/10/2017			23%	01/02/2015					4,32	01/10/2014		7.778	30 n 7 th	01/03/2021	51 t 10 th	X					183.767	0	183.767	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143
<p>Lý do: Giáo viên Trường Tiểu học số 1 Tam Quan Bắc, viên chức được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.</p>																														
<p>Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ tuyển dụng, QĐ chuyển xếp lương của SNV theo ND 204/2004/ND-CP, QĐ chuyển xếp hạng chức danh nghề nghiệp, các QĐ nâng lương và thâm niên nghề trong 60 tháng, BHXH, Bảng Đại học, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2018-2019: Hoàn thành nhiệm vụ, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143</p>																														
13	Nguyễn Thị Bình	16/10/1968	Đại học sư phạm Giáo dục Tiểu học	Giáo viên Tiểu học - Trường Tiểu học số 1 Tam Quan	4,65	01/10/2017			25%	01/04/2015					3,99	01/10/2011		7.908	32 n 5 th	01/03/2021	52 t 4 th	X					191.769	0	191.769	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143
<p>Lý do: Giáo viên Trường Tiểu học số 1 Tam Quan, viên chức được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.</p>																														
<p>Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ phân công công tác, QĐ chuyển xếp lương, QĐ chuyển xếp hạng chức danh nghề nghiệp, các QĐ nâng lương và thâm niên nghề trong 60 tháng, BHXH, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143</p>																														
14	Huỳnh Thị Châu	05/05/1969	Đại học sư phạm Giáo dục Tiểu học	Giáo viên Tiểu học - Trường Tiểu học số 1 Tam Quan	4,65	01/04/2017	0,15	01/09/2015	22%	01/05/2015					4,32	01/04/2014		8.158	29 n 7 th	01/06/2021	52 t	X					203.950	0	203.950	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143
<p>Lý do: Giáo viên Trường Tiểu học số 1 Tam Quan, viên chức được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.</p>																														
<p>Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ tuyển dụng, QĐ phân công công tác, QĐ chuyển xếp lương của SNV theo ND 204/2004/ND-CP, QĐ chuyển xếp hạng chức danh nghề nghiệp, các QĐ nâng lương và thâm niên nghề trong 60 tháng, BHXH, Bảng Đại học, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2018-2019: Hoàn thành nhiệm vụ, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143.</p>																														

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đ)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đ)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Thời điểm tính gian biên chế	Tuổi khi giải quyết tính gian biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Chia theo nguồn kinh phí thực hiện		Lý do tính gian		
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Hệ số	Thời điểm hưởng	Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN		Thối việc ngay	Thối việc sau khi đi học nghề		Kinh phí CQ chi từ dự toán NS hàng năm, nguồn thu, nguồn KP hợp pháp khác của đơn vị, Quỹ hỗ trợ LĐ đối dư	Ngân sách nhà nước cấp
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28		
15	Nguyễn Thị Phương Lệ	04/04/1969	Đại học sư phạm Giáo dục Tiểu học	Giáo viên tiểu học - Trường Tiểu học số 1 Hoài Thanh	4,65	01/04/2017			24% 01/03/2015 25% 01/03/2016 26% 01/03/2017 27% 01/03/2018 28% 01/03/2019 29% 01/03/2020						4,32	01/04/2014		7.904	31 n 6 th	01/03/2021	51 t 10 th	X					195.624	0	195.624	Điểm e Khoản 1 Điều 1 NĐ 143	
<p>Lý do: Giáo viên Trường Tiểu học số 1 Hoài Thanh, viên chức được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.</p> <p>Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ phân công công tác, QĐ chuyển xếp lương của SNV theo NĐ 204/2004/NĐ-CP, QĐ chuyển xếp hạng chức danh nghề nghiệp, các QĐ nâng lương và thâm niên nghề trong 60 tháng, BHXH, Bảng Đại học, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm e Khoản 1 Điều 1 NĐ 143.</p>																															
16	Đình Công Hương	05/05/1963	Trung cấp sư phạm Tiểu học	Giáo viên tiểu học - Trường Tiểu học số 1 Hoài Sơn (nay là Trường Tiểu học Hoài Sơn)	(15%) 4,06	01/02/2019			31% 01/03/2015 32% 01/03/2016 33% 01/03/2017 34% 01/03/2018 35% 01/03/2019 36% 01/03/2020						(14%) 4,06	01/02/2018		8.409	38 n 6 th	01/03/2021	57 t 9 th	X					203.918	0	203.918	Điểm e Khoản 1 Điều 1 NĐ 143	
<p>Lý do: Giáo viên Trường Trường Tiểu học Hoài Sơn, viên chức được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.</p> <p>Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ phân công công tác, QĐ chuyển xếp lương của SNV theo NĐ 204/2004/NĐ-CP, QĐ chuyển xếp hạng chức danh nghề nghiệp, các QĐ nâng lương và thâm niên nghề trong 60 tháng, Bảng Trung cấp, BHXH, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm e Khoản 1 Điều 1 NĐ 143.</p>																															
17	Nguyễn Văn Thọ	01/02/1963	Cao đẳng sư phạm Tiểu học	Giáo viên tiểu học - Trường Tiểu học số 2 Hoài Tân	(10%) 4,98	01/10/2019			0,15 01/01/2016 0,15 01/01/2017 0,15 01/01/2018 0,15 01/01/2019 0,15 01/01/2020	35% 01/01/2016 36% 01/01/2017 37% 01/01/2018 38% 01/01/2019 39% 01/01/2020	6% 01/10/2015 7% 01/10/2016 8% 01/10/2017 9% 01/10/2018 10% 01/10/2019					(9%) 4,98	01/10/2018		10.113	41 n 7 th	01/03/2021	58 t	X					242.712	0	242.712	Điểm e Khoản 1 Điều 1 NĐ 143
<p>Lý do: Giáo viên Trường Tiểu học số 2 Hoài Tân, viên chức được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.</p> <p>Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ phân công công tác, QĐ chuyển xếp lương của SNV theo NĐ 204/2004/NĐ-CP, QĐ chuyển xếp hạng chức danh nghề nghiệp, các QĐ nâng lương và thâm niên nghề trong 60 tháng, BHXH, Bảng Trung cấp, Cao đẳng, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm e Khoản 1 Điều 1 NĐ 143.</p>																															
18	Nguyễn Trung Quang	15/05/1962	Trung cấp sư phạm Tiểu học	Giáo viên tiểu học - Trường Tiểu học số 1 Hoài Châu Bắc	(13%) 4,06	01/09/2019			31% 01/03/2015 32% 01/03/2016 33% 01/03/2017 34% 01/03/2018 35% 01/03/2019 36% 01/03/2020						(12%) 4,06	01/09/2018			38 n 6 th	01/03/2021	58 t 9 th	X					0	0	0	Điểm e Khoản 1 Điều 1 NĐ 143	
<p>Lý do: Giáo viên Trường Tiểu học số 1 Hoài Châu Bắc, viên chức được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.</p> <p>Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ phân công công tác, QĐ chuyển xếp lương của SNV theo NĐ 204/2004/NĐ-CP, QĐ chuyển xếp hạng chức danh nghề nghiệp, các QĐ nâng lương và thâm niên nghề trong 60 tháng, BHXH, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm e Khoản 1 Điều 1 NĐ 143.</p>																															

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đ)	Tiền lương tháng (nếu có) để tính trợ cấp (1000 đ)	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Thời điểm tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (1000 đồng)	Chia theo nguồn kinh phí thực hiện		Lý do tính giảm	
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng						Hệ số	Thời điểm hưởng	Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN		Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí CP chi từ dự toán NS hàng năm, nguồn thu, nguồn KP hợp pháp khác của đơn vị, Quỹ hỗ trợ LĐ đối dư
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
19	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	09/08/1967	Cao đẳng sư phạm Tiểu học	Giáo viên tiểu học - Trường Tiểu học số 1 Hoài Sơn (nay là Trường Tiểu học Hoài Sơn)	4,58	01/02/2019			22% 01/03/2015 23% 01/03/2016 24% 01/03/2017 25% 01/03/2018 26% 01/03/2019 27% 01/03/2020						4,27	01/02/2016		7.481	29 n 6 th	01/03/2021	53 t 6 th	X					125.307	0	125.307	Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143
<p>Lý do: Giáo viên Trường Tiểu học Hoài Sơn, viên chức được phân loại đánh giá xếp vào mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét TGBC, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.</p>																														
<p>Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ tiếp nhận và phân công công tác, QĐ chuyển xếp lương của SNV theo ND 204/2004/ND-CP, QĐ chuyển xếp hạng chức danh nghề nghiệp, các QĐ nâng lương và thâm niên nghề trong 60 tháng, BHXH, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm e Khoản 1 Điều 1 ND 143.</p>																														
UBND huyện Hoài Ân																														
20	Đình Xuân Âm	03/02/1964	Trung cấp SP tiểu học	Thư viện Trường Tiểu học Bok Tới	9% (4,06)	01/01/2020			5% 01/01/2016 6% 01/01/2017 7% 01/01/2018 8% 01/01/2019 9% 01/01/2020					8% (4,06)	01/01/2019		5.845	33 n 5 th	01/01/2021	56 t 10 th	X					144.664	0	144.664	Điểm d khoản 1 Điều 1 ND 143	
<p>Lý do: Nhân viên Thư viện Trường Tiểu học Bok Tới, huyện Hoài Ân, viên chức có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm hiện đảm nhiệm nên bị hạn chế về năng lực hoàn thành công việc được giao, có 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp, cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng biên bản họp và Tờ trình đề nghị.</p>																														
<p>Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý bằng Biên bản họp xét, Tờ trình, Danh sách đề nghị của đơn vị, QĐ hết thời gian tập sự và bổ nhiệm ngạch, QĐ xếp ngạch, các QĐ nâng lương, Bằng Trung cấp sư phạm, BHXH, Phiếu đánh giá, xếp loại viên chức năm học 2019-2020: Không hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm d khoản 1 Điều 1 ND 143.</p>																														
21	Đình Văn Môn	01/05/1963	Trung học SP 9+3	Giáo viên Trường Tiểu học Đak Mang	4,06	01/01/2014			27% 01/05/2015 28% 01/05/2016 29% 01/05/2017 30% 01/05/2018 31% 01/05/2019 32% 01/05/2020	5% 01/01/2016 6% 01/01/2017 7% 01/01/2018 8% 01/01/2019 9% 01/01/2020				3,86	01/01/2012		7.587	33 n 5 th	01/01/2021	57 t 7 th	X				165.017	0	165.017	Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143		
<p>Lý do: Giáo viên Trường Tiểu học Đak Mang, huyện Hoài Ân chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, không thể bố trí công việc khác phù hợp và không thể đào tạo lại để chuẩn hoá về chuyên môn (theo quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BGDĐT). Cá nhân tự nguyện viết đơn và được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý bằng biên bản họp và đề nghị.</p>																														
<p>Thẩm định: Hồ sơ có Đơn đề nghị TGBC và được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý bằng Biên bản làm việc, Tờ trình, Danh sách của đơn vị, QĐ phân công công tác, QĐ xếp ngạch, các QĐ nâng lương, QĐ nâng thâm niên nghề nhà giáo, bằng Trung cấp 9+3, BHXH, đánh giá, phân loại năm học 2018-2019: Hoàn thành nhiệm vụ, năm học 2019-2020: Hoàn thành nhiệm vụ. Hồ sơ đủ điều kiện xét giải quyết hưởng chính sách TGBC theo Điểm c Khoản 1 Điều 1 ND 143).</p>																														

